

Đồng Bằng Sông Cửu Long: Vùng Đất Nghèo Nhứt Việt Nam

Lâm Văn Bé

Ngày 7 tháng 4 năm 2011, bà Nguyễn thị Kim Ngân, Bộ Trưởng Bộ Lao Động và Thương Binh Xã Hội Việt Nam đã tuyên bố: «Theo chuẩn nghèo dự kiến áp dụng từ năm 2011, tỷ lệ nghèo của cả nước chiếm khoảng 15-17%. Người nghèo tập trung phần lớn ở khu vực nông thôn chiếm khoảng 90%, một số huyện miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, miền núi duyên hải miền Trung và vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Tỷ lệ nghèo còn cao, là địa bàn rất khó khăn đối với công tác giảm nghèo...».

Thông thường, dưới chế độ Cộng Sản, những con số thống kê rất đáng nghi ngờ bởi lẽ bản chất căn bản của chế độ là khoác lác, lừa dối, che giấu hay giảm thiểu những điều xấu và thổi phồng những điều tốt. Với lập luận như trên, phải hiểu rằng lời tuyên bố của bà Bộ Trưởng kiêm Phó Chủ Tịch Quốc Hội về tình trạng nghèo đói tại quốc gia do đảng của bà cai trị từ 37 năm qua còn trầm trọng và thê thảm hơn nhiều.

Năm năm trước đây, chúng tôi có viết một bài nhận định về tình trạng nghèo đói của Việt Nam. Bài viết này cập nhật hóa hiện trạng nghèo đói và bất bình đẳng tại Việt Nam, chẳng những không được cải thiện mà còn tồi tệ hơn. Trong bối cảnh của đất nước, chúng tôi chú tâm đặc biệt vào cảnh nghèo đói của vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), bởi ngoài những đặc tính chung, nghèo đói của vùng đất này còn mang những bản chất đặc thù.

Thế nào là nghèo đói?

Để diễn tả cảnh nghèo đói, người dân miền Nam có câu đồng dao: *Nghèo xơ nghèo xác/ Nghèo nát xương mông/ Nghèo không gạo nấu/ Nghèo thầu Ngọc Hoàng/ Nghèo tàn nghèo mặt/ Nghèo khắc ra tro/ Nghèo ho ra bụi/ Nghèo lũi trong bờ/ Nghèo mờ con mắt/ Nghèo thắt ống chân/ Nghèo sung ống quyển...*

Đó là cái nghèo cảm nhận bởi người nghèo. Các nhà kinh tế học dựa vào tiêu chuẩn tiền tệ để ấn định **ngưỡng nghèo** trong khi các nhà xã hội học còn kể thêm những yếu tố nhân sinh để nhìn cái nghèo trong toàn diện.

- **Nghèo tiền tệ**

Theo tiêu chuẩn tiền tệ, Ngân Hàng Thế Giới quy định ngưỡng nghèo là số tiền thu nhập của một người mỗi ngày từ **1,25 đến 2 mỹ kim PPP**. Thước đo bằng đồng mỹ kim như trên là một tiêu chuẩn rất tương đối bởi lẽ kinh tế mỗi quốc gia tùy thuộc nhiều vào sự lạm phát, chánh sách lương bổng và mức sống. Do đó, để có một định chuẩn quốc tế, các nhà kinh tế áp dụng ý niệm *sức mua tương đương* (PPA=parité de pouvoir d'achat, tiếng Anh là PPP: purchasing power

parity) của một giỏ hàng gồm những nhu cầu cần thiết tính bằng mỹ kim rồi xem giỏ hàng này trị giá bằng bao nhiêu ở mỗi quốc gia, vì vậy tiêu chuẩn ngưỡng nghèo của Ngân Hàng Thế Giới được tính bằng mỹ kim PPP (hay PPA). Thực tế, cách tính tỷ giá của một giỏ hàng như trên cũng tương đối, bởi giỏ hàng cần thiết của mỗi dân tộc khác nhau, vì vậy, tạp chí *Economist* đề nghị lấy cái sandwich BigMag làm chuẩn (chỉ số BigMac) và gần đây công ty *ComSec* đề nghị dùng giá tiền của cái Ipod để tính PPP. Đó là cách so sánh của các quốc gia phát triển, nhưng với nhiều quốc gia nghèo Á Phi, các phương tiện này còn quá xa lạ, do đó tiêu chuẩn nghèo đối phổ quát của Ngân Hàng Thế Giới vẫn là tiêu chuẩn tiền tệ và kể từ năm 2010, một cách tính chính xác hơn được áp dụng là tiêu chuẩn **nghèo đối đa chiều (multidimensional poverty)**

Đối với Việt Nam, chính phủ ấn định ngưỡng nghèo theo tiêu chuẩn số tiền thu nhập hàng tháng cho mỗi đầu người, và số tiền này thay đổi tùy theo nông thôn và thành thị.

- Năm 2006: nông thôn: 200 000 đồng, thành thị: 260 000 đồng
- Năm 2008: nông thôn : 290 000 đồng, thành thị: 370 000 đồng.
- Năm 2010-2015: nông thôn: 400 000 đồng, thành thị: 500 000 đồng. Người cận nghèo: nông thôn: 401 000 - 520 000đ ; thành thị: 501 000 - 650 000đ.

Bảng 1. Tỷ lệ nghèo đói VN (%) năm 2008 theo tiêu chuẩn của Ngân Hàng Thế Giới và Chính phủ VN

Vùng	Tiêu chuẩn VN	Tiêu chuẩn NHTG	
		1.25 MK	2 MK
Cả nước	14.6	13.2	32.9
Trung Du & Miền núi phía Bắc	29.2	28.4	56.1
Đồng bằng sông Hồng	6.8	5.4	21.9
Bắc Trung Bộ và Duyên hải	20.4	19.5	45.3
Tây Nguyên	24.9	21.1	43.1
Đông Nam Bộ	2.8	1.8	6.9
Đồng bằng sông Cửu Long	11.7	11	32

Nguồn: UNDP. Báo cáo quốc gia về phát triển con người 2011, p. 215

Nếu tính theo tiêu chuẩn của Liên Hiệp Quốc năm 2008, với tiêu chuẩn cực nghèo là 1,25 mỹ kim một ngày tương đương với 323 000 đồng một tháng, và tiêu chuẩn nghèo 2 mỹ kim/ngày tương đương với 516 000 đồng/tháng, thì với tiêu chuẩn nghèo của chính phủ VN như trên, **cả nước có 13.2% sống dưới 1,25 mỹ kim một ngày là tiêu chuẩn mức nghèo cùng cực áp dụng tại các quốc gia nghèo đói Phi Châu.**

So với thế giới, trừ các quốc gia Phi Châu và Haiti, với tỷ lệ nghèo đói như trên, tại Á châu, chỉ có hai nước Lào và Cambodge là nghèo hơn VN (có thể thêm Miến Điện, nhưng Ngân Hàng Thế Giới không có thống kê).

Với đà lạm phát và vật giá gia tăng, tỷ lệ nghèo đói hôm nay chắc hẳn tăng lên rất nhiều. Tháng 4 năm 2012, Bộ Lao Động-Thương Binh Xã hội công bố vào năm 2011, VN có hơn 4 triệu hộ

nghèo và cận nghèo (molisa.gov.vn ngày 4/4/2012). Nếu tính trung bình mỗi hộ có 5 người, VN hiện nay có độ 20 triệu người (tức 22% dân số) có lợi tức dưới 1.25 mỹ kim một ngày.

Năm 2011, với giá gạo từ 10 000 đồng đến 20 000 đồng một kg tùy theo loại, như vậy hơn 20% người dân dưới chế độ Cộng Sản có lợi tức hàng tháng chỉ mua được khoảng 30 kg gạo hay chỉ ăn được 10 tô phở.

Đọc những con số này, một số «Việt Kiều yêu nước» không tin bởi lẽ khi về nước, họ chỉ đi «tham quan» những nơi dành cho du khách và lạnh cảm ngoạn mục với những người mua gánh bán bung giống như họ khi xưa mà nay họ cho là bọn mảnh mun tìm cách lường gạt họ. Tuy nhiên, nếu họ có can đảm đi vào những nơi mà cộng sản gọi là «vùng sâu, vùng xa» hay tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng của vùng ĐBSCL, họ sẽ thấy cảnh nghèo khổ của dân Việt Nam hôm nay cũng không khác chi thời thuộc địa hay thời cộng sản cầm quyền tại miền Bắc trước 1975.

Chỉ cần rời khỏi một vài khu phố tráng lệ ở trung tâm thành phố là bắt gặp ngay những khu nhà ổ chuột, trẻ con, người già nheo nhóc, thiếu ăn thiếu mặc, nói chi đến các khu bùn lầy nước đọng, trong những túp lều xiêu vẹo bên sông rạch hay trên các cánh đồng khô cỏ cháy, hàng triệu người từ Nam đến Bắc vẫn còn sống trong tình trạng nghèo khó truyền kiếp. Tháng 6 năm 2011, cũng chính bộ Xã hội đã đánh tiếng rằng lạm phát gia tăng đến 20% so với cùng tháng này năm ngoái làm tỷ lệ người nghèo gia tăng thêm, sau khi Liên Hiệp Quốc báo động hồi tháng tư rằng VN là một trong năm quốc gia lạm phát nhất thế giới. **Hơn phân nửa người dân càng ngày càng nghèo khổ thêm trong khi một thiểu số đảng viên và tư bản đồ tập trung một khối lượng tài sản khổng lồ, thụ hưởng một cuộc sống sang giàu lố bịch hơn cả người sang giàu các nước kỹ nghệ, xã hội VN hôm nay đã trở lại thời kỳ bộ lạc xa xưa.**

- **Nghèo đa chiều**

Nghèo đói không phải chỉ biểu hiện qua trạng thái thiếu lương thực và thiếu tiền mà còn phản ảnh qua mức sống của người dân. Từ năm 1997, Chương Trình Phát Triển Liên Hiệp Quốc (UNDP) đã dùng chỉ số phát triển con người **HDI (human development indicator)** để đo mức sống của người dân gồm 3 yếu tố là tuổi thọ, giáo dục và lợi tức. Từ năm 2010, Liên Hiệp Quốc áp dụng một phương thức mới để đo mức nghèo một cách toàn diện hơn gồm các yếu tố tiền tệ và phi tiền tệ gọi là **chỉ số nghèo đói đa chiều (Multidimensional Poverty Index - MPI)** do Sabrina Alkora và Maria Emma Santos, hai chuyên gia của OPHI (Oxford Poverty and Human Development Initiative) thuộc Đại học Oxford sáng chế. Chỉ số nghèo đói đa chiều MPI đo lường nghèo đói với 3 chiều và 10 chỉ số như sau:

Bảng 2. Chỉ tiêu nghèo đói đa chiều của OPHI

Ba chiều	10 chỉ số	Đường nghèo
Y tế	Tử vong trẻ con	Gia đình có một đứa trẻ chết
	Dinh dưỡng	Gia đình có người thiếu dinh dưỡng
Giáo dục	Số năm học	Không học hết 5 năm
	Bỏ học	Không đi học đến lớp 8
Mức sống	Nhiên liệu để nấu ăn	Nấu ăn bằng gỗ, phân động vật, than củi
	Nhà vệ sinh	Không nhà vệ sinh
	Nước sạch	Không có nước sạch để dùng hay cách xa 30 km
	Điện lực	Không có điện là nguồn thắp sáng
	Nhà ở	Sàn nhà trên bùn, cát, phân
	Tài sản	Không có ít nhất radio, điện thoại, xe đạp (hay moto)

Được xem như nghèo nếu một người bị thiếu ít nhất 30% của các chỉ tiêu trên. Chính phủ VN đã áp dụng chỉ số căn bản trên để cải biến thành 9 chỉ tiêu áp dụng trong cuộc *Điều Tra mức sống con người 2010* (dữ liệu năm 2008) và *Báo cáo Phát Triển con người năm 2011* do Chương Trình Phát Triển Liên Hiệp Quốc phối hợp thực hiện.

Bảng 3. Chỉ tiêu nghèo đói đa chiều MPI của Việt Nam

Ba chiều	Chỉ tiêu	Đường nghèo
Y tế	1-Chi phí y tế	Phải bán tài sản, vay nợ để thanh toán dịch vụ y tế hay phải ngưng chữa trị vì không đủ tiền
Giáo dục	2-Số năm học	Người từ 15 tuổi trở lên không học hết tiểu học
	3-Bỏ học	Người từ 6 đến 18 tuổi không đi học
Mức sống	4- Điện	Không có điện để sử dụng làm nguồn thắp sáng
	5- Nước sạch	Không tiếp cận được nguồn nước sạch
	6-Vệ sinh	Rác thải không được thu dọn, bị ô nhiễm
	7-Nhà vệ sinh	Không có nhà vệ sinh hay nhà vệ sinh đổ chất thải trực tiếp xuống sông rạch
	8- Nhà ở	Không có nhà cố định, ở trong nhà tạm mà nền nhà trên bùn, cát
	9-Sở hữu tài sản lâu bền	Không có ít nhất một trong ba loại tài sản sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Phương tiện di chuyển: xe đạp, xe máy, thuyền tự lái - Phương tiện liên lạc: Điện thoại - Thông tin: TV, radio

Chỉ số nghèo đói đa chiều như trên biểu hiện những điều kiện sống tối thiểu của con người. Theo thống kê của chính phủ, tỷ lệ nghèo đói tính theo tiền tệ năm 2008 trung bình trên toàn quốc là 14.6%, nhưng nếu tính theo tiêu chuẩn đa chiều tăng lên đến 23.3%.

Ngoài ra, chỉ số nghèo đói đa chiều lại đưa ra ánh sáng một thực trạng mà thống kê theo tiền tệ che giấu, đó là tình trạng nghèo đói của vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long được xem là cao nhất nước.

Bảng 4. Tỷ lệ nghèo đói đa chiều và tiền tệ năm 2008 của VN theo 6 vùng

Vùng	Nghèo đói đa chiều	Sát mức nghèo đói đa chiều	Nghèo đói tiền tệ
Trung Du và Miền núi phía Bắc	39.5	23.5	29.2
Đồng bằng sông Hồng	3.6	13.6	6.8
Bắc Trung Bộ & Duyên hải	16.8	24.5	20.4
Tây Nguyên	34.5	26.8	24.9
Đông Nam Bộ	9	12	1.8
Đồng bằng sông Cửu Long	49.7	24.7	14.6

Nguồn: UNDP. Báo cáo Quốc gia về Phát triển con người 2011

Chú thích: Nghèo đói đa chiều: không có hay thiếu hụt 3 chỉ tiêu (trong 9 chỉ tiêu).

Sát với mức nghèo đa chiều: không có hay thiếu 2 chỉ tiêu

Nghèo đói tiền tệ: theo tiêu chuẩn 290 000đ/tháng ở nông thôn và 330 000đ/tháng ở thành thị.

Thống kê trên cho thấy Vùng Trung Du và Miền Núi phía Bắc có chỉ số nghèo tiền tệ cao nhất nước (29.2%) nhưng không phải là vùng nghèo nhất.

Vùng Đồng Bằng sông Cửu Long, tuy mức nghèo tiền tệ chỉ có 14.6%. đứng sau vùng Đông Nam Bộ (1.8%) và Đồng Bằng sông Hồng (6.8%), nhưng với tỷ lệ nghèo đói đa chiều, ĐBSCL lại là vùng nghèo nhất VN với chỉ số nghèo lên đến 49.7%, nghèo hơn cả vùng Trung Du và Miền Núi phía Bắc.

Nghèo đói đa chiều vùng Đồng Bằng sông Cửu Long

Một cách chi tiết hơn, bảng thống kê tỷ lệ nghèo đa chiều của 63 tỉnh và thành phố trên toàn quốc sau đây cho thấy Hà Nội là thành phố có tỷ lệ nghèo đói đa chiều thấp nhất nước (1.5%) và tỉnh Lai Châu có tỷ lệ cao nhất (82.3%).

Tại Miền Nam, ngoài thành phố Hồ Chí Minh đứng sau Hà Nội (hạng 2), các tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (hạng 9) và Bình Dương (hạng 12) xem như những tỉnh trù phú của miền Nam, còn lại 12 tỉnh và thành phố Cần Thơ của vùng ĐBSCL nằm cuối bảng xếp hạng, thuộc những tỉnh nghèo nhất nước.

Bảng 5. Tỷ lệ (%) nghèo đói đa chiều (MPI) và nghèo đói tiền tệ của 63 tỉnh, thành phố Việt Nam năm 2008

Hạng	Tỉnh	Tỷ lệ MPI	Tỷ lệ người sát mức nghèo MPI	Tỷ lệ theo tiền tệ
1	Hà Nội	1.5	7.5	1.7
2	TP HCM	2.1	4.6	0.5
3	Hải Dương	2.5	11.4	8.9
4	Bắc Ninh	2.7	10.9	5.9
5	Hung Yên	2.8	11.2	7.1
6	Hải Phòng	3	10.8	4.9
7	Đà Nẵng	3	5	3
8	Thái Bình	3.9	16.7	8.5
9	Bà Rịa –VTàu	4.2	13.4	7
10	Nam Định	5	16.7	7.7
11	Hà Nam	5.5	22.6	8.4
12	Bình Dương	5.9	17.4	0.5
13	Vĩnh Phúc	7	28.7	11.3
14	Quảng Ninh	6.8	10.3	7.2
15	Ninh Bình	9.2	31.8	12.9
16	Bắc Giang	10.5	22.4	17.5
17	Hà Tĩnh	11.7	23.3	28.2
18	Nghệ An	12.8	23.7	24.9
19	Phú Thọ	14.8	24.2	17.4
20	Bình Định	15.4	36.3	13.3
21	Thanh Hóa	15	23.5	26.3
22	Quảng Bình	16.1	26.6	23.6
23	Lâm Đồng	16.4	23.8	18.3
24	Đồng Nai	16.8	18.4	4.3
25	Khánh Hòa	17.4	18.9	10.7
26	Phú Yên	19.2	33.1	17.6
27	Thái Nguyên	19.7	22.6	17.5
28	Quảng Trị	20.1	30.6	27.6
29	Bình Thuận	20.2	21.1	9.3
30	Thừa Thiên	20.3	23.2	15.7
31	Quảng Nam	21.3	25.3	20.7
32	Quảng Ngãi	23.4	27.2	21.7
33	Bình Phước	24.2	25.9	10.1
34	Đắc Nông	27	36.4	26.7
35	Hòa Bình	31.2	36	32.3
36	Tây Ninh	31.9	26.1	5.6
37	Long An	35	31.5	7.6
38	Đặc Lắc	36	28.7	24.6
39	Ninh Thuận	36.5	21.2	21.2

40	Tiền Giang	38.3	32.3	10.7
41	Tuyên Quang	41.2	29	23.3
42	Cần Thơ	42.3	19.5	6.9
43	Lạng Sơn	45	34.1	21.2
44	Bạc Liêu	45.1	38.4	12.4
45	Cà Mau	45.2	26.2	13.7
46	Bắc Cạn	45.5	28.4	39.9
47	An Giang	46	23.1	8.5
48	Gia Lai	46.3	24.9	29.1
49	Kiên Giang	49.2	23.8	9.5
50	Yên Bái	49.4	22.4	24.6
51	Bến Tre	51	29.2	15.5
52	Kontum	53	23.2	32
53	Trà Vinh	55	25.6	20.7
54	Sóc Trăng	57.7	21	19.2
55	Hậu Giang	60	26.9	13.6
56	Sơn La	60.1	25.3	42.4
57	Lào Cai	61	19.4	37.7
58	Đông Tháp	65.6	19.4	10.3
59	Cao Bằng	65.9	22	42
60	Vĩnh Long	71.3	14.8	10
61	Hà Giang	73	11.4	43
62	Điện Biên	75	11.3	49
63	Lai Châu	82.3	7.8	61.3
	Cả nước	23.3	20.2	14.6

Nguồn: UNDP. Báo cáo quốc gia về Phát Triển con người 2011, p.213-215



Bảng thống kê trên trình bày rõ rệt thực trạng giàu nghèo của các vùng địa lý VN.

Trong số 20 tỉnh và thành phố đứng đầu danh sách được xem như trù phú nhất nước, đa số đều nằm trong vùng Đồng Bằng Sông Hồng và vùng Thanh Nghệ Tĩnh vốn là những vùng nghèo đói trước khi Cộng Sản cưỡng chiếm Miền Nam, và 20 tỉnh nghèo nhất ở cuối bảng đều nằm trong vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, vốn là những tỉnh trù phú trước 1975. Điều đáng lưu ý là tỉnh Vĩnh Long, một trong các tỉnh trù phú của miền Nam dưới thời Việt Nam Cộng Hòa thì nay đứng hạng 60 trong danh sách 63 tỉnh và được xem là tỉnh nghèo nhất của Vùng ĐBSCL dưới chế độ Cộng Sản.

Bảng thống kê sau đây về các thiếu hụt trong các lãnh vực y tế, giáo dục và mức sống giải thích rõ hơn về tình trạng nghèo đói của dân chúng vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Bảng 6. Tỷ lệ (%) dân số vùng ĐBSCL bị thiếu hụt về y tế, giáo dục và điều kiện sinh sống năm 2008

Chú thích:

- 1-Thiếu hụt dịch vụ y tế;
- 2-Người 15 tuổi trở lên chưa học hết bậc Tiểu học;
- 3-Người từ 6 đến 18 tuổi hiện không đi học;
- 4-Không có điện dùng làm nguồn thắp sáng chính
- 5--Nước không sạch, bị ô nhiễm
- 6-Điều kiện vệ sinh không đảm bảo
- 7- Nhà vệ sinh không đạt tiêu chuẩn
- 8- Nhà tạm
- 9- Thiếu tài sản

Hạng MPI	Tỉnh	Y tế			Giáo dục						Mức sống								
		1	2	3	4	5	6	7	8	9									
1	Hà Nội	0.4	8.5	10.6	0.1	0.5	24.1	6.8	1.3	1									
2	TPHCM	1	14.6	11.1	0.0	0.5	15.5	2.7	3.8	0.3									
3	Hải Dương	1.6	9.1	14.4	0.2	3.4	63.8	4.4	1.7	1.5									
7	Đà Nẵng	0.9	12.3	11.3	0.0	2.6	17.3	4.1	2.1	1.1									
9	Bà Rịa-VTàu	0.8	16	14.3	0.2	0.5	46	8.3	4.6	0.7									
17	Hà Tĩnh	4.6	11.8	13.2	0.3	5.8	85	21	6.8	3.2									
30	Thừa Thiên	1.6	29	16.2	0.7	9.9	70	31	8.2	5									
Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long																			
32	Long An	1.5	28.8	22	0.9	3.7	91	55.4	26.2	1.4									
40	Tiền Giang	1.7	33.7	24.8	0.3	3.1	86.8	59.3	31.9	1.3									
42	Cần Thơ	1	32	30.2	1.8	19.1	71	51.4	27.6	3.6									
44	Bạc Liêu	0.9	30	28.2	1.1	0.1	88.1	58.5	42.8	8									
45	Cà Mau	2	29.5	35	6.8	0.1	88.6	65.1	36.3	3.3									
47	An Giang	1.8	40.2	27.8	4.7	38.9	80.5	46.8	22.7	4									
49	Kiên Giang	2.1	34.5	28	5.4	6	85.1	63.7	14.9	6.9									

51	Bến Tre	1.4	32.5	18.5	2.1	17.8	94.2	73.8	32.4	2.7
53	Trà Vinh	2.5	37.2	24.5	1.9	4.4	91.2	74	44.5	2.7
54	Sóc Trăng	2.9	42.8	31.1	4.3	3	88.6	69.5	49.4	10.7
55	Hậu Giang	2.7	36.1	27.4	1.3	4.5	91.2	74	44.6	2.7
58	Đồng Tháp	1.5	36.2	30.9	1.7	59.4	91.5	70.4	37.1	3
60	Vĩnh Long	1.4	28.3	16	1.4	64.9	90.5	78.6	32.2	1.9
Chung vùng ĐBSCL		1.8	34.4	26.7	2.8	19.4	87.5	63.5	34.6	3.9
Vùng ĐBSông Hồng		1.3	10.1	13.5	0.3	1.2	46.2	14.6	1.4	1.6
VùngTrungDu & Miền Núi phía Bắc		1.6	22.6	22.1	11.7	24.2	87.3	55	15	7.4
Chung cả nước		1.6	20.4	19	2.8	10.6	67.9	35.6	12.7	3.4

Nguồn: UNDP. Báo cáo quốc gia về Phát Triển con người 2011, p.225-227

Bảng thống kê trên vạch rõ tình trạng thiếu hụt trầm trọng về các mặt y tế, giáo dục và điều kiện sống của dân cư vùng ĐBSCL.

- Xét qua với 9 tiêu chuẩn của chỉ số nghèo đói đa chiều, **vùng ĐBSCL đều có tất cả 9 chỉ tiêu nghèo cao hơn tỷ lệ trung bình của cả nước. Đặc biệt về chỉ tiêu người dân chưa học hết bậc tiểu học (34.4%) và bỏ học (26.7%), tỷ lệ này cao nhất nước**, vượt qua tỷ lệ trung bình của quốc gia (20.4% và 19%) và cách biệt quá xa với dân chúng miền Đồng Bằng Sông Hồng (10.1% và 13.5%). Nếu so sánh người không học hết bậc tiểu học trong toàn cả nước, vùng ĐBSCL chỉ ít hơn có hai tỉnh ở miền Thượng Du Bắc bộ là Lai Châu (57%), Điện Biên (46%) là hai tỉnh tập trung người thiếu số, tất cả các tỉnh miền ĐBSCL đều xếp hạng kề cận với các dân tộc ở các vùng mà cộng sản gọi là « vùng sâu vùng xa». Chỉ cần đan kể: Sóc Trăng (42.8%), An Giang (40.2%), Trà Vinh (37.2%), và ngay cả Thành phố Cần Thơ được xem là thủ đô của miền ĐBSCL, số người chưa học hết bậc tiểu học cũng lên đến 32%. Sau 37 năm cai trị, cộng sản đã biến vùng ĐBSCL trở thành vùng sâu vùng xa về dân trí.

Nghèo giáo dục là nguyên nhân chính yếu của mọi hình thức nghèo đói và phải rất lâu người dân mới thoát ra cảnh nghèo đói này. Người dân trong cùng một quốc gia, nếu chỉ số thông minh có thay đổi chút ít tùy cá nhân nhưng đâu lẽ nào cả vùng đất gần 20 triệu dân của cả vùng ĐBSCL lại kém thông minh hơn các vùng Khác?

- Về mức sống, trừ chỉ tiêu sử dụng điện lực của người dân vùng ĐBSCL bằng với trung bình của cả nước và khả quan hơn vùng Trung Du và Miền núi phía Bắc, tất cả các chỉ tiêu khác như điều kiện vệ sinh tổng quát, đặc biệt về nước uống, cầu xí, và nhà ở, vùng ĐBSCL thua kém nhiều hơn trung bình cả nước và cách biệt quá đáng với Đồng Bằng sông Hồng. 87.5% người dân sống trong tình trạng vệ sinh không bảo đảm, 63.5% người dân không có cầu xí theo tiêu chuẩn (tiêu, tiểu trực tiếp trên mặt đất. hố xí lộ thiên hay trực tiếp trên sông rạch). Đặc biệt về nhà ở, trong khi trung bình cả nước có 12.7% nhà tạm (nhà thô sơ, ồ chuột), đặc biệt vùng Đồng Bằng Sông Hồng chỉ có 1.4%, thì tại vùng

ĐBSCL, hơn một phần ba (34.6%) người dân sống trong những căn nhà tồi tàn, thiếu tiện nghi tối thiểu. Nếu trước kia chiến tranh có tàn phá từng khóm, từng làng thì nay chế độ cộng sản tàn phá và bần cùng hóa cả khu vực vùng ĐBSCL.

Lý do nghèo đói của vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long

Mặc dù ĐBSCL là vựa lúa gạo bảo đảm an ninh lương thực cho toàn quốc (chiếm 90% sản lượng gạo xuất cảng, 70% sản lượng trái cây, 60% sản lượng thủy hải sản của cả nước), ĐBSCL lại là vùng đất nghèo nhứt nước.

Thống kê trên đã cung cấp rõ rệt tình trạng nghèo đói của vùng ĐBSCL về mọi phương diện. Trong phần sau đây, chúng tôi thử tìm hiểu những nguyên nhân chính yếu của tình trạng nghịch lý này.

1- Lợi tức phụ thuộc vào lúa gạo

80% dân số vùng ĐBSCL là nông dân sinh sống bằng nghề nông, chính yếu là trồng lúa. Đó là lãnh vực kém hiệu năng kinh tế nhất bởi những lý do liên quan đến thị trường lúa gạo quốc tế và những lý do đặc thù của ngành nông nghiệp Việt Nam.

Bởi lẽ gạo là món ăn chính yếu của đa số dân châu Á và châu Phi (nói chung hơn 50% dân số trên thế giới tiêu thụ gạo), các quốc gia tiêu thụ gạo đều có chánh sách phát triển nông nghiệp và trợ cấp nông nghiệp để bảo đảm tự túc lương thực, do đó nhu cầu nhập cảng gạo của nhiều quốc gia giảm dần làm ảnh hưởng đến giá gạo trên thị trường xuất cảng. Ngoài ra, gặp những năm trúng mùa, số xuất cảng lúa gạo trên thế giới gia tăng làm biến đổi thường xuyên giá gạo trên thị trường thế giới (từ 400 đến 700 mỹ kim/tấn).

Sự biến đổi này ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế nông nghiệp VN mà nông dân Việt Nam nói chung, đặc biệt vùng ĐBSCL phải gánh chịu. Năm 2011, VN sản xuất 42 triệu tấn lúa, xuất cảng 7.35 triệu tấn gạo mang về khoảng 3.5 tỷ mỹ kim (Trần Văn Đạt. Tình trạng sản xuất và tiêu thụ lúa gạo thế giới 2011-12 /Đồng Nai-Cửu Long, số 13, tr.225).

Nếu giá gạo trên thế giới trời sập bất thường, và ngay khi giá gạo trên thị trường quốc tế cao, giá gạo tại VN luôn bị chánh phủ kèm giữ rất thấp để chống lạm phát, nâng đỡ dân đô thị, thí dụ như năm 2008, trong khi giá gạo trên thế giới tăng đến 1000 mỹ kim /tấn, chánh phủ VN ngưng xuất cảng gạo để bảo đảm an ninh lương thực và hạ giá gạo xuống 400 mỹ kim để giảm bớt áp lực của cuộc khủng hoảng tiền tệ. Trái với chánh sách của nhiều quốc gia trên thế giới trợ cấp nông nghiệp bởi lẽ ngành sản xuất này ít lợi nhuận và bị ảnh hưởng bất cập của thời tiết, tại VN, chẳng những chánh phủ không trợ cấp cho nông dân mà còn ăn cướp nông dân dưới sự chi phối của hai cơ quan nhà nước là **Hiệp Hội Lương Thực Việt Nam (VFA)** độc quyền mua lúa gạo của nông dân và **Hiệp Hội phân bón** độc quyền bán phân bón và thuốc bảo vệ thực vật. Để được nhiều lợi nhuận, VFA tìm mọi mưu chước để ép giá, mua lúa gạo rẻ và bán phân bón, thuốc sâu rầy với giá cắt cổ. Cách làm ăn của các hiệp hội cũng không lương thiện trên thị trường quốc tế, gạo thường

pha lẫn lộn, không có thương hiệu nên gạo VN không có giá trên thị trường quốc tế, chỉ bán được cho các quốc gia Phi Châu và các quốc gia mua gạo với giá rẻ.

« Trong vòng 5 năm 2001-2005, giá bán gạo của VN chỉ bằng gần 80% giá bình quân thế giới (220 USD/tấn). Đó là giá bán «bèo» nhất trong số 5 nước xuất khẩu gạo nhiều nhất thế giới (xét theo khối lượng) theo thứ tự là Thái Lan, Ấn Độ, VN, Pakistan ...» (*Xuất khẩu gạo: tấn nhiều, đô ít. tuoitre.vn/Kinh-te/193763/Xuat-khau-gao-Tan-nhieu-do-it.html*). Đất đai manh mún, không có kho chứa lúa (silo) để trữ lúa, nông dân phải bán tháo bán đổ cho các lái gạo thông đồng với VFA vì nếu để để lâu thì lúa ướt lên mầm và phải bán gấp để trả nợ. Đời sống của nông dân vùng ĐBSCL là một chuỗi dài nghèo khó cha truyền con nối không lối thoát.

Tiến sĩ Võ Tòng Xuân, người gắn bó thiết tha với vùng đồng bằng sông Cửu (cựu Viện Trưởng Đại học An Giang, nay là Viện Trưởng Đại học Tân Tạo) đã nhận định:

«... Người nông dân nghèo triền miên vì làm nông nghiệp không có vốn, nông dân phải vay tiền mua lúa giống, phân bón. Sau mỗi vụ gặt, nông dân chen chút ở ngân hàng nông nghiệp để trả nợ. Xong nợ cũ rồi vay nợ mới để đầu tư làm vụ kế tiếp. Có tới 95% nông dân phải vay ngân hàng để sản xuất theo kiểu ăn trước trả sau...» (ĐBSCL kêu cứu. tuanvietnam.vietnamnet.vn ngày 11/7/2011)

Không kể đến những tai biến thường xuyên do thời tiết (khô hạn, lũ lụt), lợi tức trung bình của một nông dân vùng ĐBSCL khoảng 30 mỹ kim /tháng (600 000đồng), dưới mức nghèo cùng cực theo tiêu chuẩn của Liên Hiệp Quốc (1,25 mỹ kim/ngày).

« Theo điều tra của Viện Lúa ĐBSCL, nếu một hộ gia đình trung bình khoảng 5 người trồng 1 ha lúa, sản xuất 2 vụ /năm, đạt năng suất từ 10-12 tấn, trong đó chi phí chiếm 50%, chỉ còn lại 6 tấn, nếu tính giá lúa ở mức khoảng 6000 đồng /kg thì mỗi năm thu được 36 triệu đồng. Tính ra hộ đó có 3 triệu đồng /tháng, chia cho 5 người trong nhà, mỗi người chỉ được 600 000 đồng tháng » (ĐBSCL; chất lượng sống sụt giảm /Người Lao Động, 25/8/2012).

Đó là trường hợp người sở hữu đất đai, còn trường hợp người thuê đất để làm ruộng còn thê thảm hơn. Số người mướn ruộng là những người nghèo khổ kinh niên phải bán đất hay bị chính phủ lấy đất để làm các khu kỹ nghệ, sân golf. Nhiều khu đất màu mỡ dọc theo sông Tiền sông Hậu, bởi lẽ gần trục giao thông, bị chính phủ «quy hoạch» để chờ bán cho các nhà đầu tư, do đó hàng ngàn mẫu đất bị bỏ hoang trong khi nông dân không có đất để trồng lúa, phải bỏ nông thôn lên thành phố để làm thuê, tạo thêm một lớp người nghèo khổ sống trong các khu ổ chuột ở ven biên hay các kinh rạch.

2- Hệ thống giao thông vùng ĐBSCL yếu kém, lạc hậu

Vũ Văn Ninh, phó thủ tướng, trong phiên họp ngày 19 tháng 7 năm 2012 tại Văn phòng Ban Chỉ đạo Nam Bộ đã nhận định «...Hệ thống hạ tầng giao thông trong vùng còn bộc lộ nhiều yếu kém, lạc hậu, thiếu đồng bộ, tính kết nối chưa cao, hiện là điểm nghẽn trong quá trình phát triển. Các

nguồn đầu tư của chính phủ còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu...». Lời thú nhận của một phó thủ tướng như trên quả thật là nghiêm trọng bởi lẽ thông thường, các lãnh đạo đảng thường khoác lác, thổi phồng thành tích.

Hệ thống đường giao thông vùng ĐBSCL yếu kém nhất nước, chỉ có 5% đường nông thôn có thể sử dụng cho vận tải, số còn lại chỉ dùng để đi bộ, xe đạp và xe gắn máy. Trong 37 năm cai trị, chính quyền cộng sản chỉ xây một số xa lộ ven biên Saigon, nới rộng một phần Quốc Lộ số 1A và một số quốc lộ huyết mạch, kỳ dư các đường liên tỉnh đều nhỏ hẹp, sụp đổ, sạt lở, dân quê phải sử dụng lộ đá hay lộ đất băng qua các cây cầu khi, cầu ván thô sơ. Ông Nguyễn Văn Sơn, chuyên viên Trung Tâm Phát Triển ĐBSCL đã đề cập đến chánh sách bỏ rơi ĐBSCL của nhà nước như sau: «...Dẫn chứng là trên sông Hồng, sông Hàn có biết bao cây cầu kiên cố hiện đại, trong khi tất cả các tỉnh miền Nam chỉ có cây cầu Mỹ Thuận và mấy cây cầu khánh thành gần đây...». Mấy cây cầu mà ông Sơn đề cập là cầu Cần Thơ, Rạch Miễu, Hàm Luông chưa xây xong đã sập và liên tiếp phải sửa chữa vì tham những trung ương ăn ciment và tham những địa phương nhắm mắt cho xe quá tải lưu thông để lấy tiền phạt.

Hệ thống giao thông đường thủy lại còn tệ hại hơn. Hàng hóa vận chuyển từ ĐBSCL lên hải cảng Saigon phải qua Kinh Chợ Gạo (tỉnh Tiền Giang) đã quá tải, cạn hẹp không tiếp nhận được các tàu có trọng tải lớn. Hai hải cảng lớn nhất của ĐBSCL là cảng Cần Thơ và Cái Cui cũng chỉ nhận được tàu dưới 10 000 tấn.

Tình trạng giao thông lạc hậu này đã tạo nhiều khó khăn trong việc chuyển vận hàng hóa, lưu thông của người lao động, đi lại của học sinh, cấp cứu bệnh nhân, tiếp cận văn hóa và mọi vấn đề mưu sinh. Tính chung, 70% hàng hóa từ ĐBSCL chuyển vận lên Saigon phải dùng quốc lộ 1A đã quá tải trầm trọng, do đó chi phí cho việc đi lại và chuyển chở nhiều khi chiếm đến 15% lợi tức của người dân.

3- Tình trạng y tế và giáo dục tồi tệ nhất nước.

Đã nghèo về lợi tức thu nhập, người dân vùng ĐBSCL còn phải chịu đựng tình trạng bỏ rơi của chính quyền trung ương trong việc cung cấp các dịch vụ y tế và giáo dục.

Vùng ĐBSCL là vùng có tình trạng y tế và giáo dục tồi tệ nhất nước về trang bị cơ sở, nhân viên và các dịch vụ. Những con số thống kê nói rõ tình trạng này.

Năm 2008, ngoài 915 bệnh viện công với 151 800 giường bệnh, VN có thêm 85 bệnh viện tư với 5800 giường bệnh, như vậy trung bình VN có khoảng 18 giường bệnh, 5 bác sĩ và 14 y tá cho 10 000 dân. Tình trạng y tế cả nước chậm tiến như vậy, vùng ĐBSCL còn thê thảm hơn.

Bảng 7. Số lượng cơ sở và nhân viên y tế công theo vùng năm 2008

Vùng	Số lượng			Nhân viên cho 10 000 dân	
	Bệnh viện	Bác sĩ	Y tá	Bác sĩ	Y tá
Đồng bằng Sông Hồng	170	9 764	23 621	5.2	12.7
Đông Bắc	155	6 160	17 495	6.4	18.2
Tây Bắc	46	1 329	6 263	5	23
Duyên hải Bắc Trung Bộ	109	4 912	15 871	4.5	14.7
Duyên hải Nam Trung Bộ	88	3 930	10 741	5.4	14.8
Tây Nguyên	67	2 402	7 330	4.8	14.6
Đông Nam Bộ	127	8 288	20 349	5.7	14
ĐBSCL	154	7 886	23 241	4.5	13
Cả nước	915	44 671	124 911	5	15

Nguồn: Báo cáo Quốc gia về phát triển con người 2011, Bảng 6.1

Nếu tính theo số lượng, dân số vùng ĐBSCL chiếm 18% dân số toàn quốc, nhưng tỷ lệ cơ sở y tế và nhân viên không tương ứng với tỷ lệ dân số này. Ngoài ra, đa số các bệnh viện vùng ĐBSCL cũ kỹ, thiếu trang bị và đặc biệt các trường đào tạo nhân viên y tế không cung cấp đủ nhân viên y tế về lượng và phẩm. Vùng ĐBSCL chỉ có 1 trường Đại học Y Dược tại Cần Thơ trong khi cả nước có đến 14 trường đại học y dược mà 10 trường tập trung ở Miền Bắc (5 trường ở Hà Nội, 5 trường ở các tỉnh Nam Định, Hải Phòng, Hải Dương, Thái Bình, Thái Nguyên).

Chi tiêu y tế của người dân vùng ĐBSCL là một trong những lý do của sự bần cùng hóa. Vì nghèo, người dân đau ốm thường xuyên hơn vì thiếu dinh dưỡng, trì hoãn việc chữa trị cho tới khi tình trạng sức khỏe trở nên trầm trọng, hậu quả là chi tiêu từ tiền túi cho dịch vụ y tế cao hơn, sự bình phục chậm hơn, hiệu năng kinh tế cho gia đình và xã hội sút giảm, đó là vòng lẩn quẩn của nghèo đói. Thử tưởng tượng mỗi lần thăm khám bệnh, « người dân phải trả 227 000 đồng đối với dịch vụ ngoại trú và 2 218 000 đồng đối với các dịch vụ nội trú theo thời giá tháng 1 năm 2008 » (*Báo cáo quốc gia phát triển con người năm 2011, tr. 95*) thì với lợi tức trung bình hàng tháng khoảng 1.2 triệu đồng, cứ mỗi lần đi bác sĩ ngoại trú đã mất 20% lợi tức và nếu phải nằm nhà thương thì vỡ nợ, do đó tỷ lệ chi phí y tế của người dân vùng ĐBSCL cao nhất nước.

Theo báo cáo của Chương Trình Phát Triển con người (UNDP) năm 2011 thì «*tỷ lệ bần cùng hóa do chi phí y tế tại VN là một trong những tỷ lệ cao nhất thế giới*» (UNDP. Sđd, tr. 98). Nếu chi phí y tế của VN cao nhất thế giới mà vùng ĐBSCL cao nhất VN, như vậy có thể hiểu được mức độ trầm trọng của sự bần cùng hóa ở vùng này.

Về giáo dục, vùng ĐBSCL tụt hậu nhất nước. Nếu tính số học sinh bậc trung học đệ nhị cấp (trung học phổ thông) trên 1000 người dân, miền Bắc Trung Bộ có 43 học sinh, miền Đồng Bằng Sông Hồng 38, Duyên hải miền Trung 37, miền ĐBSCL chỉ có 26.

Nếu ở đồng bằng sông Hồng, cứ khoảng 327.000 người dân có một trường đại học (trung bình cả nước khoảng 900.000 người) thì ở ĐBSCL, con số này lên tới 3,37 triệu. Tỷ lệ tiến sĩ, giáo sư, thạc sĩ ở vùng ĐBSCL cũng còn quá thấp.

Năm 2010, chi tiêu về giáo dục trung bình cho mỗi học sinh là 3 triệu đồng (khoảng 150 mỹ kim), Đồng Bằng sông Hồng là 3.6 triệu, trong khi ở vùng ĐBSCL chỉ có 2 triệu.

(Giật mình với giáo dục ĐBSCL /Diệp Văn Sơn).

Mặc dù chi phí giáo dục ở ĐBSCL thấp nhất nước, nhưng với mức lợi tức của người nông dân chỉ trên dưới 1 mỹ kim mỗi ngày, số chi tiêu này lại quá lớn đối với họ. Nhiều gia đình nghèo đông con đành phải để con thất học, trẻ con phải đi làm để phụ giúp gia đình. Từ bao năm nay, các kế hoạch phát triển của nhà nước, các chương trình viện trợ của ODA vẫn cứ tập trung ở các đô thị khiến tỷ lệ thất nghiệp ở nông thôn rất cao, do đó phụ huynh và học sinh không tha thiết đến việc học, bởi lẽ có bằng cấp cũng không có việc làm ngoài công việc tay lấm chân bùn. Ngoài ra, đường giao thông còn là trở ngại lớn cho giáo dục. Các trường học thường xa nhà, trẻ con phải đi bộ nhiều cây số trên các đường lầy lội, qua các cầu tre vắt vẻo hay trên các ghe xuồng.

Tóm lại, những lý do của tình trạng không đi học hay bỏ học đều phát sinh từ tình trạng nghèo đói và chính sách bỏ rơi của nhà nước cộng sản. Những lý do chính yếu là:

- Chi phí học quá đắt: 74%
- Cha mẹ không quan tâm đến việc học vấn của con: 61%
- Học sinh không khả năng, không thích đi học: 54 %
- Trẻ con phải đi làm: 15%

Bảng 8. Tỷ lệ dân từ 15 tuổi trở lên chia theo bằng cấp cao nhất (năm 2010)

Vùng	Chưa bao giờ đi học	Không bằng cấp	Tiểu học	Trung học đệ 1 cấp	T.h. đệ 2 cấp	Đại học	Hậu đại học
Trung bình cả nước	6	14.3	22.7	27.1	14	4.8	0.2
ĐB Sông Hồng	2.7	6.4	13	35.9	18.2	7.5	0.6
Trung Du & M. núi	11.7	12.8	21.1	29	11.6	2.5	0.1
Trung Bộ	5.2	10.1	19.3	33.1	17.3	5.7	0.1
Tây Nguyên	9	13.7	26.1	26.3	13.4	2.6	0.1
ĐBSCL	7.8	26.6	32.1	17	7.9	2.5	0.1

Nguồn: Thống kê VN. Điều tra mức sống dân cư 2010, tr.81

Nếu tính người từ 15 tuổi trở lên dốt chữ (không biết đọc, không biết viết), ở vùng Đồng Bằng Sông Hồng chỉ có 2.7%, vùng ĐBSCL lên đến 7.8%, thậm chí nhiều tỉnh vượt hơn 10% như Sóc Trăng (13%), Trà Vinh (12.8%), An Giang (11.4%).

Nếu tính chung người không đi học và chỉ hoàn tất bậc tiểu học, vùng ĐBSCL có đến 66.5%, là một rào cản rất lớn trong việc tiếp cận với những tiến bộ xã hội, duy trì tình trạng chậm tiến trong lãnh vực kinh tế vì không có nhân công lành nghề.

(Nguồn: Thống kê VN. Điều tra mức sống 2010)

4- Nhà ở

Trong cuộc điều tra nhà ở, Viện Thống kê VN đã phân biệt 4 loại nhà:

- Nhà kiên cố: gồm các loại biệt thự, nhà nhiều tầng, nhà bằng bê tông
- Nhà bán kiên cố: gồm các nhà có tường xây bằng gạch hay ghép lại bằng gỗ, mái lợp bằng ngói hay tole
- Nhà thiếu kiên cố: nhà có khung chịu bằng gỗ, mái lợp bằng tre, nứa, lá
- Nhà tạm: nhà có kết cấu đơn giản, vật liệu thô sơ, tường bằng đất, lá, cót, mái lợp bằng tranh, nứa, lá, giấy dầu.

Sau đây là thống kê nhà ở kiểm kê năm 2010 phân chia theo vùng (tính theo % bởi người viết)

Bảng 9. Tỷ lệ các loại nhà ở phân chia theo vùng (2010)

Vùng	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố	Nhà thiếu kiên cố	Nhà tạm
Cả nước	49.2	37.8	7.5	5.6
ĐB Sông Hồng	92.8	6.6	0.5	0.1
Trung Du & Miền núi Bắc	47.8	28.6	14.8	8.9
Bắc Trung Bộ & Duyên hải	64.2	28.1	3.6	3.1
Tây Nguyên	21.4	70.3	6.3	2
Đông Nam Bộ	17.9	76.2	2.9	3
ĐB Sông Cửu Long	11	51.4	20.8	16.8

Nguồn: Thống kê VN. Điều tra mức sống dân cư năm 2010

Bảng thống kê trên đã phơi bày một khía cạnh đen tối trong đời sống của người dân vùng ĐBSCL. Số nhà kiên cố ở vùng ĐBSCL ít nhất nước (11%) so với vùng ĐB Sông Hồng nhiều gấp 9 lần (92.8%), và số nhà tạm cao nhất nước (16,8%), so với vùng ĐBSH (chỉ có 0.1%).

Nếu tính chung loại nhà thiếu kiên cố và nhà tạm, hơn một phần ba (37.6%) nhà cửa ở vùng ĐBSCL là những nhà gỗ, nhà tranh vách đất, thậm chí tại nhiều tỉnh, tỉ lệ này vượt lên đến gần phân nửa, như tỉnh Kiên Giang (50%), Cà Mau (49%), Trà Vinh (48.5%), Hậu Giang (48%), Bạc Liêu (47%).

Một nông dân ở vùng tứ giác Long Xuyên là một trong hai trung tâm lúa gạo trù phú nhất của VN đã kể cho phóng viên của báo «Tuần» như sau: «... Ông nội tôi khi còn sống cứ mong sao dành dụm được chút ít tiền để cất cái nhà ngói làm chỗ cúng ông bà cho đàng hoàng. Hết đời cha giờ tới tôi, ngoài 60 tuổi rồi vẫn chưa thực hiện được di nguyện của ông. Tiền cho tụi nhỏ học hành, trả nợ vay ngân hàng không đủ nói chi chuyện cất nhà, vừa nói ông vừa chỉ vào căn nhà lợp lá tạm bợ bên cạnh đó...»

Ngoài ra, khi xét đến các loại đồ dùng lâu bền trong đời sống, vùng ĐBSCL thua kém xa tất cả các vùng của đất nước.

Bảng 10. Tỷ lệ gia đình có đồ dùng lâu bền phân chia theo vùng (2010)

Vùng	Xe hơi	Xe gắn máy	Điện thoại	Tủ lạnh	TV màu	Máy điện toán	Máy giặt máy sấy
Cả nước	1.3	75.4	76.3	41.5	87.8	16	18.8
ĐB Sông Hồng	1.8	73.5	79.1	52.4	92	19	25.5
Trung du & Miền Núi	1	75.5	68.2	31.4	82.8	8.2	8
Trung Bộ	1	74.1	72.5	31.8	86.7	12.3	7.2
Tây Nguyên	0.8	84.1	74.6	32.4	87.2	14.7	19.2
Đông Nam Bộ	2.6	87.2	85	60.4	90	29.6	37
ĐBSCL	0.5	66.4	74.3	31	85	10	9

Nguồn: Thống kê VN. Điều tra mức sống dân cư năm 2010

Không kể vùng Trung Du và Miền núi phía Bắc gồm đa số là dân tộc thiểu số, các đồ dùng lâu bền cần thiết cho tiện nghi của đời sống ở vùng ĐBSCL thua kém các vùng khác, đặc biệt so với miền Đông Nam Bộ vốn là vùng phát triển kỹ nghệ và vùng Đồng Bằng Sông Hồng vốn là vùng ưu đãi của nhà nước cộng sản. Sự thiếu hụt trầm trọng những phương tiện đi lại như xe hơi, xe gắn máy và những phương tiện truyền thông như máy truyền hình, máy điện toán là những nguyên nhân tạo nên sự cô lập với thế giới bên ngoài, kèm giữ người dân vùng ĐBSCL trong chậm tiến và nghèo đói.

Thay lời kết

Miền Nam giàu có, giờ chỉ còn là huyền thoại. Ba mươi bảy năm xã hội chủ nghĩa đã biến vùng ĐBSCL trù phú sung túc trở thành vùng đất nghèo đói nhất nước.

Đồng bằng Sông Cửu Long khi xưa rộng thênh thang, cò bay thẳng cánh thì nay bị cắt vụn manh mún, thiếu đất để cày vì bị chánh phủ chiếm đất để «qui hoạch». ĐBSCL là nơi xuất cảng 90% lúa gạo, 70% nông thủy sản cho cả nước nhưng lại là nơi nghèo nhất nước, trẻ con suy dinh dưỡng cao nhất nước, người dân sống trong các nhà tạm nhiều nhất nước, giáo dục, y tế tụt hậu nhất nước. Cái gì giải thích được điều nghịch lý này?

Năm 1975, sau khi cưỡng chiếm miền Nam, cộng sản đã ulla « vào Nam nhìn họ, về Bắc nhìn hàng ». Thu vét tài sản của người dân, đầy ải cầm tù các quân cán chính, từ 37 năm qua, cộng sản vẫn chưa ngừng chánh sách khai thác vựa lúa vùng ĐBSCL và trả thù người dân miền Nam bị xem là tàn dư của «Mỹ Ngụy ». Ông Lê Phước Thọ, Bí Thư Tỉnh ủy Sóc Trăng, Ủy viên trung ương Bộ Chính trị khóa 7 đã ngậm ngùi than thở: «ĐBSCL ở xa trung ương quá, lâu lâu Bộ mới vào một lần. Trung ương mà không sớm thay đổi chánh sách bỏ rơi thì miền Tây không thoát nghèo được...». (ĐBSCL kêu cứu / tuanvietnam.vietnamnet.vn ngày 11/7/2011)

Ông đảng viên cao cấp gốc người miền ĐBSCL đã nhận định rõ về tình trạng nghèo đói của vùng đất quê cha đất tổ của ông. Đau đớn thay, tiếng nói của ông đã lạc điệu vì cái Phong Trào Giải Phóng miền Nam của ông đã bị giải thể từ lâu và ông cũng như các đồng chí cao cấp gốc người miền Nam như ông, nếu không bị cho về hưu thì cũng chỉ là những người bù nhìn trong cái bộ chính trị gồm đa số là người gốc miền Bắc và Thanh Nghệ Tĩnh nắm hết mọi quyền sinh sát. Đó mới chính là cái nguyên nhân của tất cả mọi nguyên nhân về tình trạng nghèo đói của vùng ĐBSCL.

Thư mục chính yếu:

- Chương trình Phát Triển Liên Hiệp Quốc (UNDP). Báo cáo quốc gia về Phát Triển con người năm 2011.
- Thống kê VN. Điều tra mức sống con người 2010
- Thống kê VN. Điều tra dân số và nhà ở 2009
- Vietnam: a dicussion of poverty: paper for workshop /Adam Pforde. Centre for Strategic Economic Studies, Victoria University. May, 2011
- Indice de pauvreté multidimensionnelle /Wikipedia
- Các trang mạng về chủ đề

Lâm Văn Bé

15/11/2012